CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: **2517354**

1. **Đơn vị yêu cầu** : **CÔNG TY TNHH JAFA COMFEED VIỆT NAM**
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NỌC (HEO ĐỰC GIỐNG) THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN, QUY MÔ 1.400 CON
Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 2, Xã Phước Sơn, Tỉnh Đồng Nai
2. **Phân loại mẫu** : **NT** – Đầu ra hệ thống xử lý nước thải
3. **Ngày lấy mẫu** : 19/08/2025
4. **Ngày trả kết quả** : 29/08/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QC1 Cột A	Tham khảo QC2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,90	**6 – 9**	**5,5 – 9**	TCVN 6492:2011
02	BOD_5 (20°C)	mg/L	35	**40**	-	SMEWW 5210B:2023
03	COD	mg/L	72	**100**	-	SMEWW 5220C:2023
04	TSS	mg/L	41	**50**	-	TCVN 6625:2000
05	Tổng Nitơ	mg/L	38,0	**50**	-	TCVN 6638:2000
06	Clorua (Cl^-)	mg/L	113	-	**≤ 600**	SMEWW 4500-Cl^-.B:2023
07	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,001)	-	**≤ 0,1**	SMEWW 3113B:2023
08	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	**≤ 0,01**	SMEWW 3113B:2023
09	Tổng Crom (Cr)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	**≤ 0,5**	SMEWW 3113B:2023
10	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	-	**≤ 0,002**	SMEWW 3112B:2023
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	-	**≤ 0,05**	SMEWW 3113B:2023
12	E. Coli (*)	MPN/100mL	< 1,8	-	**≤ 200**	SMEWW 9221B:2023
13	Coliform	MPN/100mL	$2,0 \times 10^3$	**3.000**	-	SMEWW 9221B:2023

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: giới hạn phát hiện; Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng
- QC1: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi; (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- QC2: QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng